

Bản án số: 45/2021/HS-PT
Ngày 28-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Ông Lương Ngọc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2021/HS-PT ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo NVV do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

NVV, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1978 tại Nam Định. Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G và bà H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 đến ngày 03 tháng 11 năm 2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công việc ổn định, NVV đã nảy sinh ý định dùng chỗ ở của mình tại Thôn D, xã E, huyện F, Thành phố Hải Phòng để chứa mại dâm, NVV tìm gặp các gái bán dâm là I (tức J), sinh năm 1987, đăng ký HKTT tại xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình và M (tức N) sinh năm 1976, đăng ký HKTT tại 15/3 O, thị xã P, thành phố Hà Nội, hai bên thỏa thuận I và Đưa về bán dâm và ăn ở tại nhà của NVV.

Mỗi lần bán dâm, NVV là người trực tiếp giao dịch với khách mua dâm, giá mỗi lần bán dâm là 200.000 đồng, NVV đưa cho gái bán dâm 100.000 đồng, còn NVV thu 100.000 đồng. NVV chuẩn bị bao cao su và sắp xếp phòng để cho I và Đua bán dâm. I và Đua đến nhà của NVV ở vào khoảng ngày 23, 24 tháng 10 năm 2020. Khoảng 21 giờ ngày 26-10-2020 Q, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn R, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng và S sinh năm 2001, nơi cư trú: thôn 8, xã Cao Nhân huyện F, thành phố Hải Phòng rủ nhau đến nhà NVV mua dâm. S trực tiếp thỏa thuận với NVV về việc mua dâm, sau khi thỏa thuận S đưa cho NVV 400.000 đồng, NVV đã bố trí I và Q mua bán dâm ở phòng số 01, M và S mua bán dâm ở phòng số 02, khoảng 21 giờ 30 phút khi các bên đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

01 bao cao su đã qua sử dụng và vỏ bao cao su nhãn hiệu “Condomhualei” màu đỏ, 03 bao cao su nhãn hiệu “Vip” màu vàng, 48 bao cao su nhãn hiệu “Condomhualei” màu đỏ chưa sử dụng và 900.000 đồng đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen, 600.000 đồng cơ quan công an thu giữ của I và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3 màu đỏ, 550.000 đồng Công an thu giữ của M, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi vi phạm nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho I và M.

Tại Bản án sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: NVV 18 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án (Được trừ 08 ngày tạm giữ). Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí quyền kháng cáo theo quy định

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo NVV kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm và thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 18 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Bị cáo xuất trình đơn xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có vợ và đang phải nuôi con và bố mẹ già. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo đã cung cấp tài liệu thể hiện bố bị cáo là bộ đội phục viên bị nhiễm chất độc màu da cam hàng

tháng được hưởng trợ cấp thường xuyên do Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định nhưng chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét, đánh giá. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo tiếp tục nộp tài liệu trên. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy bị cáo có địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện C, tỉnh Nam Định nhưng bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, sinh sống ổn định nhiều năm nay tại xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng và chăm sóc bố mẹ để được chính quyền địa phương bảo lãnh xác nhận. Bị cáo nhân thân chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh khó khăn, xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26-10-2020 NVV đã sử dụng nhà ở của mình tại Thôn D, xã E, huyện F, Thành phố Hải Phòng để I và M bán dâm cho Q và S thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc, danh dự, nhân phẩm của con người, là mầm mống lây truyền vi rút HIV-AIDS và các bệnh xã hội khác, gây dư luận xấu trong xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thời gian làm nghĩa vụ trong lực lượng Công an nhân dân và được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ giỏi, bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên với mức hình phạt 18 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là thỏa đáng, không nặng.

[5] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Bị cáo xuất trình đơn xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có vợ và đang phải nuôi con và bố mẹ già. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo đã cung cấp tài liệu thể hiện bố bị cáo là bộ đội phục viên bị nhiễm chất độc màu da cam hàng tháng được hưởng trợ cấp thường xuyên do Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định nhưng chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét, đánh giá. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nộp tài liệu trên. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy bị cáo có địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện C, tỉnh Nam Định nhưng bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nhiều năm nay tại xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng và sinh sống với bố mẹ để được chính quyền địa phương bảo lãnh xác nhận và đề nghị cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Xét thấy: Bị cáo nhân thân chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh khó khăn cũng như mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; chấp nhận kháng cáo của bị cáo NVV, sửa Bản án sơ thẩm , giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: NVV: 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm”. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo NVV cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm

tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số đối với bị cáo NVV kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo NVV không phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- Vụ GDKT1- TANDTC;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- PV 06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện Thủy Nguyên;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng